

Họ và tên học sinh:.....

Số báo danh:.....

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 18. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn 1 phương án.

Câu 1. Cơ sở chủ yếu thúc đẩy các ngành công nghiệp kỹ thuật cao phát triển nhanh ở Đông Nam Bộ là

- A. giao thông thuận lợi, nhiều đô thị lớn, cơ sở hạ tầng rất tốt.
- B. nguyên liệu dồi dào, năng lượng ổn định, kỹ thuật hiện đại.
- C. thị trường tiêu thụ rộng, dân cư tập trung, kinh tế năng động.
- D. chính sách thu hút đầu tư, lao động trình độ cao, nguồn vốn lớn.

Câu 2. Sự phân hóa lãnh thổ sản xuất công nghiệp ở nước ta hiện nay chủ yếu do tác động của

- A. vị trí địa lý, tài nguyên thiên nhiên, nguồn lao động, hệ thống cơ sở hạ tầng.
- B. trình độ quản lý, hệ thống giao thông vận tải, địa hình, khí hậu nhiệt đới ẩm.
- C. nguồn vốn đầu tư, thị trường tiêu thụ, nhiều loại đất, tài nguyên khoáng sản.
- D. nguồn lao động, cơ sở vật chất, quy mô các doanh nghiệp, quy mô dân số.

Câu 3. Đặc điểm nào sau đây đúng với hoạt động ngoại thương ở nước ta hiện nay?

- A. Hình thành các trung tâm thương mại quy mô lớn.
- B. Mặt hàng nông sản, thủy sản trị giá nhập khẩu lớn.
- C. Khai thác hiệu quả các hiệp định thương mại tự do.
- D. Cán cân thương mại có xu hướng nhập siêu liên tục.

Câu 4. Định hướng chủ yếu để phát triển công nghiệp của Đồng bằng sông Hồng hiện nay là

- A. nâng cao chất lượng lao động, phát triển điện mặt trời, tăng cường nội địa hóa sản phẩm.
- B. đẩy mạnh hội nhập, nhập khẩu nguyên liệu, thu hút nhiều nguồn vốn đầu tư nước ngoài.
- C. tham gia chuỗi giá trị toàn cầu, đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế, bảo vệ môi trường.
- D. tăng cường liên kết giữa các ngành, khai thác than quy mô lớn, bảo vệ môi trường biển.

Câu 5. Ý nghĩa chủ yếu về kinh tế - xã hội của việc đẩy mạnh phát triển các cơ sở chế biến chè ở Trung du và miền núi Bắc Bộ hiện nay nhằm

- A. nâng cao giá trị và chất lượng sản phẩm, tạo việc làm cho người lao động địa phương.
- B. khai thác hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, mở rộng quy mô diện tích, tăng năng suất.
- C. đẩy mạnh hội nhập với quốc tế, thu hút vốn đầu tư nước ngoài, nâng cao mức sống.
- D. tăng sản lượng, nâng cao năng lực cạnh tranh của sản phẩm, thay đổi vị thế của vùng.

Câu 6. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành ở nước ta hiện nay

- A. chú trọng phát triển dịch vụ nông nghiệp.
- B. hạn chế việc xây dựng các khu chế xuất.
- C. kinh tế Nhà nước đang giữ vai trò chủ đạo.
- D. đã hình thành một số khu công nghệ cao.

Câu 7. Đặc điểm nào sau đây **không** thể hiện sự suy giảm tài nguyên nước ở nước ta hiện nay?

- A. Mực nước ngầm ở một số nơi hạ thấp.
- B. Ô nhiễm nguồn nước mặt ở các đô thị.
- C. Tình trạng thiếu nước ngọt vào mùa khô.
- D. Chế độ nước sông thay đổi theo mùa.

Câu 8. Ý nghĩa về xã hội của việc phát triển cây công nghiệp lâu năm ở nước ta hiện nay là

- A. tạo ra nguồn hàng xuất khẩu chủ lực giá trị cao.
- B. cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp chế biến.
- C. góp phần để phân bố lại dân cư giữa các vùng.
- D. khai thác hiệu quả nguồn tài nguyên thiên nhiên.

Câu 9. Vấn đề cần quan tâm đối với hoạt động khai thác hải sản xa bờ ở nước ta hiện nay là

- A. đa dạng các đối tượng khai thác, sử dụng nhiều lao động phổ thông.
- B. tuân thủ các quy định của luật pháp, truy xuất nguồn gốc sản phẩm.
- C. đẩy mạnh đổi mới về tàu thuyền, chỉ khai thác ở các ngư trường lớn.

D. chú trọng khai thác cá biển, tập trung khai thác ở vùng biển phía bắc.

Câu 10. Cảnh quan tiêu biểu cho thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa ở nước ta là hệ sinh thái

- A. rừng cận nhiệt đới phát triển trên đất feralit có mùn.
- B. rừng nhiệt đới ẩm gió mùa phát triển trên đất feralit.
- C. rừng gió mùa nửa rụng lá phân bố trên vùng đất mặn.
- D. kiểu rừng thưa nhiệt đới khô hình thành trên đất xám.

Câu 11. Dịch vụ viễn thông của nước ta hiện nay

- A. chưa khai thác tuyến cáp quang biển quốc tế.
- B. phần lớn tập trung ở khu vực phía Nam.
- C. đã xuất hiện hình thức chuyển phát nhanh.
- D. tăng cường bảo đảm vấn đề an ninh mạng.

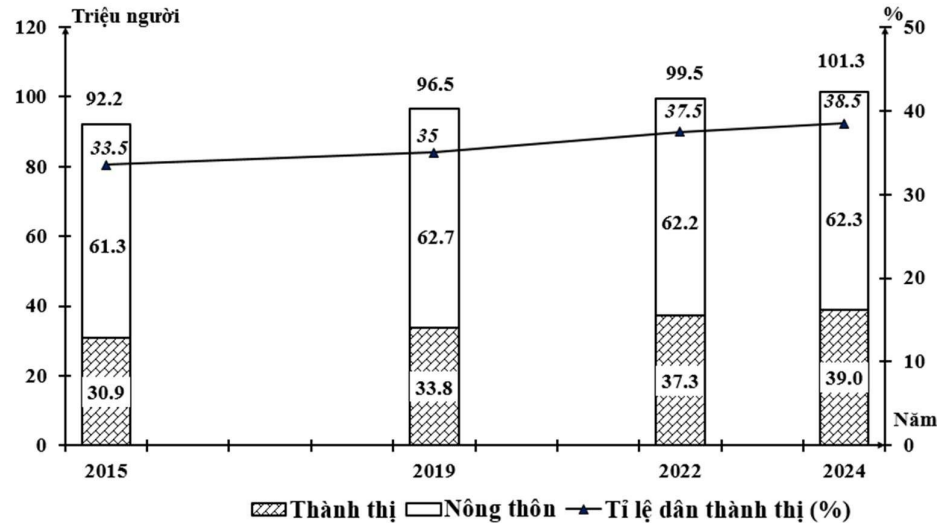
Câu 12. Giải pháp chủ yếu để giảm nhẹ tác động của biến đổi khí hậu ở Đồng bằng sông Cửu Long hiện nay là

- A. chú trọng bảo vệ rừng, phát triển nguồn điện mặt trời và điện gió.
- B. đẩy mạnh chuyên canh cây lúa, khai thác tổng hợp biển – đảo.
- C. phát triển công nghiệp chế biến, nâng cao nhận thức của người dân.
- D. thay đổi cơ cấu cây trồng, xây dựng nhiều công trình thủy lợi.

Câu 13. Khả năng mở rộng diện tích đất nông nghiệp ở khu vực đồng bằng nước ta hiện nay gặp nhiều khó khăn chủ yếu do

- A. lịch sử khai thác lãnh thổ từ lâu đời, diện tích đất phù sa còn rất lớn.
- B. thu hẹp diện tích rừng trồng, quá trình đô thị hóa đã diễn ra nhanh.
- C. bình quân đất nông nghiệp theo đầu người thấp, nhiều thiên tai.
- D. ảnh hưởng của quá trình công nghiệp hóa, đất chưa sử dụng còn ít.

Câu 14. Cho biểu đồ:



(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2024, NXB Thống kê)

Số dân thành thị, số dân nông thôn và tỉ lệ dân thành thị của nước ta giai đoạn 2015 - 2024

Nhận xét nào sau đây **không đúng** với biểu đồ trên?

- A. Năm 2024 so với năm 2015, số dân nông thôn tăng nhanh hơn số dân thành thị.
- B. Năm 2024, tỉ lệ dân nông thôn thấp nhất trong các năm và chiếm 61,5%.
- C. Năm 2024 so với năm 2015, tỉ lệ dân nông thôn cao hơn tỉ lệ dân thành thị và đang giảm.
- D. Từ năm 2015 đến năm 2024, tỉ lệ dân thành thị tăng liên tục.

Câu 15. Các địa điểm thuộc miền khí hậu phía bắc của nước ta có biên độ nhiệt độ năm lớn chủ yếu do

- A. nằm trong vùng nội chí tuyến, gió Tín Phong thổi quanh năm, tác động của biển.
- B. vị trí gần chí tuyến, chịu tác động của gió mùa Đông Bắc, góc nhập xạ thay đổi.
- C. gió mùa Đông Bắc hoạt động mạnh, vị trí ở bán cầu Bắc, tiếp giáp Biển Đông.
- D. hai lần mặt trời lên thiên đỉnh, ảnh hưởng của gió mùa, nằm ở vị trí xa xích đạo.

Câu 16. Cơ cấu dân số theo nhóm tuổi của nước ta đang có sự biến đổi nhanh chóng chủ yếu do

- A. các thành tựu về kỹ thuật, nâng cao mức sống.
- B. chính sách dân số, chất lượng cuộc sống tăng.
- C. đô thị hóa diễn ra mạnh, tỉ lệ sinh giảm mạnh.
- D. trình độ dân trí cao, có tiến bộ về dịch vụ y tế.

Câu 17. Đặc khu nào sau đây thuộc Bắc Trung Bộ hiện nay?

- A. Lý Sơn. B. Phú Quý. C. Hoàng Sa. D. Cồn Cỏ.

Câu 18. Những vùng kinh tế - xã hội nào sau đây ở nước ta hiện nay có hai thành phố trực thuộc Trung ương?

- A. Đồng bằng sông Cửu Long, Đông Nam Bộ. B. Đồng bằng sông Hồng, Bắc Trung Bộ.
C. Đông Nam Bộ, Đồng bằng sông Hồng. D. Nam Trung Bộ, Trung du và miền núi phía Bắc.

PHẦN II. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Cho bảng số liệu:

Trữ lượng dầu mỏ và khí tự nhiên của một số quốc gia trên thế giới năm 2024

Quốc gia	A-rập Xê-út	I-ran	I-rắc	Cô-oét
Dầu mỏ (tỉ tấn)	59,8	31,2	23,1	18,9
Khí tự nhiên (nghìn tỉ m ³)	8,6	40,5	6,9	5,5

(Nguồn: Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam năm 2024, NXB Thống kê)

- a) A-rập Xê-út có trữ lượng dầu mỏ cao nhất, Cô-oét trữ lượng khí tự nhiên thấp nhất.
b) Biểu đồ đường là dạng biểu đồ thích hợp nhất thể hiện trữ lượng dầu mỏ và khí tự nhiên của một số quốc gia trên thế giới năm 2024.
c) Chênh lệch trữ lượng khí tự nhiên của A-rập Xê-út so với I-ran thấp hơn chênh lệch trữ lượng khí tự nhiên của I-ran so với I-rắc.
d) Trữ lượng dầu mỏ của I-ran cao hơn I-rắc là 12,3 tỉ tấn, gấp 1,6 lần Cô-oét.

Câu 2. Cho thông tin sau:

Du lịch biển, đảo có sự phát triển nhanh ở nước ta trong thời gian qua dựa trên nhiều thế mạnh về tự nhiên và kinh tế - xã hội. Số lượt khách và doanh thu từ du lịch biển, đảo tăng nhanh. Sự phát triển của ngành đang góp phần làm thay đổi cơ cấu kinh tế ở nhiều vùng ở nước ta.

- a) Thế mạnh để phát triển du lịch biển, đảo đều có ở các vùng kinh tế - xã hội của nước ta hiện nay.
b) Lăng Cô, Nha Trang, Phan Thiết là các bãi biển thuộc Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên ở nước ta hiện nay.
c) Du lịch biển, đảo nước ta có sự khác nhau theo không gian lãnh thổ do sự khác biệt về tài nguyên, điều kiện cơ sở vật chất kỹ thuật, cơ sở hạ tầng, vốn đầu tư và nguồn nhân lực giữa các địa phương.
d) Phát triển du lịch biển, đảo theo hướng bền vững phụ thuộc chủ yếu vào ý thức bảo vệ môi trường của tất cả khách du lịch.

Câu 3. Cho thông tin sau:

Thiên nhiên nước ta có sự phân hóa khác nhau theo bắc – nam, theo đông – tây và theo độ cao, hình thành ba miền địa lí tự nhiên. Sự phân hóa thể hiện rõ qua sự khác biệt của các thành phần tự nhiên và có ảnh hưởng sâu sắc tới sự phát triển kinh tế - xã hội của nước ta.

- a) Sự khác nhau về địa hình, khí hậu thể hiện rõ nhất sự phân hóa thiên nhiên theo chiều bắc – nam ở nước ta.
b) Khu vực Tây Nguyên và Đông Trường Sơn có sự đối lập về mùa mưa và mùa khô chủ yếu do tác động của hướng dãy núi Bạch Mã và hoạt động của gió mùa.
c) Sự phân hóa đa dạng của thiên nhiên gây khó khăn cho việc tổ chức sản xuất quy mô lớn nên cần bảo đảm sự phát triển độc lập trong tổ chức lãnh thổ sản xuất giữa các vùng ở nước ta.
d) Theo độ cao, đất của nước ta có sự phân hóa thành đất feralit, đất feralit có mùn, đất mùn, đất mùn thô chủ yếu do sự thay đổi chế độ nhiệt, ẩm.

Câu 4. Cho thông tin sau:

Bắc Trung Bộ có vị trí chiến lược quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội của nước ta. Lãnh thổ của vùng kéo dài từ bắc xuống nam, hẹp ngang và phân hóa thành nhiều dạng địa hình là điều kiện thuận lợi để hình thành và phát triển cơ cấu kinh tế nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản. Vùng đang đẩy mạnh khai thác các nguồn lực để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và nâng cao mức sống cho người dân.

- a) Hiện nay, Bắc Trung Bộ tiếp giáp với nước láng giềng là Lào và ba vùng kinh tế - xã hội khác của nước ta.
b) Khu vực đồi núi phía tây của Bắc Trung Bộ có nhiều đất feralit thuận lợi để phát triển cây công nghiệp như lạc, mía.
c) Sản phẩm nông nghiệp ở Bắc Trung Bộ ngày càng đa dạng là do đẩy mạnh phát triển công nghiệp chế biến và đáp ứng nhu cầu khác nhau của thị trường.

d) Xu hướng phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa ở Bắc Trung Bộ là tập trung ứng dụng công nghệ cao, mở rộng diện tích, thay đổi mô hình canh tác hữu cơ và tăng nhập khẩu giống mới.

PHẦN III. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6.

Câu 1. Cho bảng số liệu:

Trị giá hàng hoá xuất, nhập khẩu ở nước ta giai đoạn năm 2020 và năm 2024

(Đơn vị: tỉ USD)

Năm	2020	2024
Xuất khẩu	282,6	405,9
Nhập khẩu	262,8	381,0

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2024, NXB Thống kê)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết cán cân xuất nhập khẩu ở nước ta năm 2024 so với năm 2020 tăng thêm bao nhiêu tỉ USD (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

Câu 2. Năm 2024, sản lượng tôm nuôi ở nước ta là 1,3 triệu tấn, số dân là 101,3 triệu người. Hãy cho biết sản lượng tôm nuôi bình quân đầu người ở nước ta năm 2024 là bao nhiêu kg/người (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

Câu 3. Cho bảng số liệu:

Lượng mưa các tháng tại trạm khí tượng Hà Nội và Huế năm 2024

(Đơn vị: mm)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Hà Nội	53,8	12,8	32,2	41,6	213,3	196,6	339,7	306,0	697,6	47,4	0,6	3,7
Huế	91,3	11,3	38,6	6,6	237,1	91,1	197,8	93,5	527,5	960,5	787,6	644,0

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2024, NXB Thống kê)

Căn cứ bảng số liệu trên, hãy cho biết năm 2024 tổng lượng mưa các tháng tại trạm khí tượng Huế cao hơn Hà Nội là bao nhiêu lần (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

Câu 4. Năm 2024, tổng số lượng đàn bò của nước ta là 6 212,2 nghìn con. Trong đó, đàn bò của Đông Nam Bộ có 507,9 nghìn con. Hãy cho biết tỉ trọng đàn bò của Đông Nam Bộ trong tổng đàn bò cả nước năm 2024 là bao nhiêu phần trăm (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

Câu 5. Cho bảng số liệu:

Mức nước của một số sông ở nước ta năm 2024

(Đơn vị: cm)

Mức nước	Cao nhất	Thấp nhất
Sông Cả (trạm Dừa)	2 220	1 330
Sông Thương (trạm Cầu Sơn)	1 711	1 219

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2024, NXB Thống kê)

Căn cứ bảng số liệu trên, hãy cho biết năm 2024 chênh lệch mức nước cao nhất và mức nước thấp nhất của sông Cả (trạm Dừa) cao hơn so với sự chênh lệch mức nước cao nhất và mức nước thấp nhất của sông Thương (trạm Cầu Sơn) là bao nhiêu cm (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Câu 6. Cho bảng số liệu:

Số dân, mật độ dân số của Trung du và miền núi phía Bắc, Đồng bằng sông Hồng năm 2024

Vùng	Trung du và miền núi phía Bắc	Đồng bằng sông Hồng
Số dân (triệu người)	12,6	24,8
Mật độ dân số (người/km ²)	136	1034

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2024, NXB Thống kê)

Căn cứ bảng số liệu, hãy cho biết năm 2024 diện tích của Trung du và miền núi phía Bắc cao gấp bao nhiêu lần diện tích của Đồng bằng sông Hồng (làm tròn kết quả đến hai chữ số thập phân).

-----HẾT-----

- Thí sinh không được sử dụng tài liệu;
- Giám thị không giải thích gì thêm.